TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 6 **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 09/2022/DS-ST
Ngày 11/02/2022
V/v tranh chấp về hợp đồng dân sự vay tài sản

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 6 – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hồng Nam

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Đức Nhì

2. Ông Nguyễn Thị Lưu Ly

- Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà Trịnh Thị Thơi – Thư ký Tòa án nhân dân Quận 6.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 6 tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mai Hương - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 02 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 6 xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 39/2021/TLST-DS ngày 25 tháng 3 năm 2021 về việc: "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản".

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 83/2021/QĐXXST-DS ngày 14 tháng 12 năm 2021 và quyết định hoãn phiên tòa số 05/2022/QĐST-DS ngày 13/01/2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng S

Địa chỉ trụ sở: Lầu 8, số 266-268 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường 8, Quận 3, Thành phố HCM.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Nguyễn Bích Thanh Tr, sinh năm 1980 (theo văn bản ủy quyền số 116/2021/UQ-TTT ngày 08/3/2021)

Bị đơn: Bà Lư Minh T, sinh năm: 1978

Địa chỉ thường trú: C13/30/8/1 BH, Phường 13, Quận 6, Thành phố HCM.

Địa chỉ tạm trú: 2.02 khối A2.4 khu dân cư VLB, tổ 16, ấp 1, xã Vĩnh Lộc B, huyện BC, Thành phố HCM.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 08/3/2021 cùng các bản tự khai, Ngân hàng S (sau đây gọi là Ngân hàng) – có bà Nguyễn Bích Thanh Tr trình bày:

Ngày 21/12/2009, Bà Lư Minh T có ký với Ngân hàng S hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng Visa số 464932-5271 hạn mức 10.000.000đồng (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng và bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng).

Sau khi được cấp Thẻ tín dụng, bà T thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 18.966.615đồng. Trong quá trình sử dụng thẻ, từ ngày kích hoạt thẻ đến thời điểm khởi kiện, bà T đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền 12.485.000đồng (bao gồm 1.220.550đồng phí trễ hạn; 550.000đồng phí vượt hạn mức; 1.099.000đồng phí rút tiền mặt; 2.913.978đồng lãi trong hạn từ ngày 25/01/2010-25/4/2011; gốc 6.701.472đồng). Kể từ sau ngày 25/12/2010, bà T không thanh toán thêm bất cứ khoản nào dù Ngân hàng đã dùng nhiều biện pháp nhắc nhở.

Ngày 26/4/2011, Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dự nợ còn thiếu là 12.265.143đồng sang nợ quá hạn. Tính đến ngày 11/02/2022, bà T còn nợ gốc: 12.265.143đồng; lãi quá hạn: 49.596.540đồng. Tổng cộng: 61.861.683đồng. Nay Ngân hàng yêu cầu Bà Lư Minh T trả cho Ngân hàng toàn bộ số tiền còn nợ tạm tính đến ngày 11/02/2022, tổng cộng: 61.861.683đồng. Trả một lần ngay sau khi bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

Quá trình giải quyết vụ án, bà Lư Minh T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không lý do, không thể hiện ý kiến.

Tại phiên tòa sơ thẩm Ngân hàng S có bà Nguyễn Bích Thanh Tr – người đại diện theo ủy quyền có đơn xin xét xử vắng mặt, bà Lư Minh T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không lý do.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Quận 6 tham dự phiên tòa phát biểu ý kiến:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng quy định pháp luật. Thời hạn chuẩn bị xét xử, thời hạn chuyển hồ sơ và việc giao giấy tờ cho đương sự, Viện kiểm sát là đúng quy định.

Về nội dung:

Qua nghiên cứu hồ sơ nhận thấy: Ngày 21/12/2009, Bà Lư Minh T có ký với Ngân hàng S hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng Visa số 464932-5271 hạn mức 10.000.000đồng.

Từ sau ngày 25/12/2010, bà Lư Minh T đã vi phạm thời gian thanh toán nợ thẻ tín dụng theo thỏa thuận giữa hai bên. Do đó, Ngân hàng yêu cầu bà T có trách nhiệm thanh toán một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật toàn bộ số tiền nợ là 61.861.683đồng là phù hợp theo quy định tại Điều 91 và Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng và Điều 335 Bộ luật Dân sự 2015.

Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn, buộc bà Lư Minh T có trách nhiệm trả cho Ngân hàng số tiền 61.861.683đồng

(bao gồm cả gốc và lãi quá hạn), trả một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, sau khi thảo luận và nghị án, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về tố tụng, thời hiệu khởi kiện, quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án.

[1.1] Về tư cách người đại diện theo ủy quyền của Nguyên đơn: Căn cứ vào văn bản ủy quyền số 1159/2020/QUQ-PL ngày 05/5/2020 và văn bản ủy quyền số 116/2021/UQ-TTT ngày 08/3/2021 của của Ngân hàng S ủy quyền cho bà Nguyễn Bích Thanh Tr. Việc ủy quyền trên là đúng quy định của pháp luật nên được chấp nhận.

[1.2] Về thời hiệu khởi kiện:

Hợp đồng sử dụng thẻ quốc tế được ký ngày 21/12/2009, kể từ sau ngày 25/12/2010 bà T không tiếp tục thực hiện đúng cam kết thanh toán đã ký với Ngân hàng. Ngày 26/4/2011, Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dự nợ còn thiếu là 12.265.143đồng sang nợ quá hạn. Ngày 08/3/2021, Ngân hàng nộp đơn khởi kiện tại Tòa án nhân dân Quận 6 là hết thời hiệu khởi kiện. Tuy nhiên, trong quá trình giải quyết vụ án, các đương sự không yêu cầu Tòa án áp dụng các qui định về thời hiệu. Do đó, việc Tòa án nhân dân Quận 6 thụ lý, giải quyết vụ án trên là đúng theo quy định tại 184 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[1.3] Về quan hệ tranh chấp: Ngân hàng S khởi kiện yêu cầu bà Lư Minh T thanh toán khoản tiền thẻ tín dụng còn nợ, tạm tính đến ngày 11/02/2022 là 61.861.683đồng (trong đó nợ gốc: 12.265.143đồng; lãi quá hạn: 49.596.540đồng). Đây là tranh chấp về hợp đồng dân sự vay tài sản thuộc tranh chấp về giao dịch dân sự, hợp đồng dân sự được quy định tại Khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[1.4] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Bị đơn bà Lư Minh T cư trú tại Quận 6, nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại Điểm a Khoản 1 Điều 35; Điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[1.5] Về sự vắng mặt của các đương sự:

Nguyên đơn Ngân hàng S (Sacombank) có bà Nguyễn Bích Thanh Tr là người đại diện theo ủy quyền có đơn xin vắng mặt. Bà Lư Minh T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa đến lần thứ 2 nhưng vẫn vắng mặt không lý do. Căn cứ vào Điều 227, Điều 228, Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015, Hội đồng xét xử tiến hành thủ tục xét xử vắng mặt tất cả những người tham gia tố tụng.

[2] Về nội dung vụ án: Hội đồng xét xử xét thấy

[2.1] Căn cứ Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng ký ngày 21/12/2009 thể hiện bà Lư Minh T và Ngân hàng S có ký hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng, theo đó Ngân hàng cấp tín chấp 01 thẻ tín dụng Visa số 464932-5271 hạn mức 10.000.000đồng cho bà Lư Minh T, lãi suất và phí theo ấn định của Ngân hàng trong từng thời kỳ được đăng tải công khai. Do đó, đủ cơ sở xác định hai bên đã xác lập giao dịch về hợp đồng dân sự vay tài sản; bên cho vay là Ngân hàng S và bên vay là bà Lư Minh T.

[2.2] Căn cứ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và sự thừa nhận của Ngân hàng, thể hiện từ sau ngày 25/12/2010 bà T đã vi phạm thời hạn thanh toán theo cam kết trong hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng. Tạm tính đến ngày 11/02/2022, bà T còn nợ Ngân hàng S số tiền 61.861.683đồng (trong đó nợ gốc: 12.265.143đồng; lãi quá hạn: 49.596.540đồng). Do bà T vi phạm nghĩa vụ trả nợ, Ngân hàng yêu cầu bà T có trách nhiệm thanh toán toàn bộ số tiền nợ là 61.861.683đồng là phù hợp theo quy định tại Điều 91 và Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng.

[2.3] Về thời hạn thanh toán:

Hội đồng xét xử xét, căn cứ vào quy định về nghĩa vụ trả nợ của bên vay thì bên vay tiền phải trả đủ tiền khi đến hạn. Mặt khác, số tiền thiếu nợ nêu trên đã kéo dài, làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn trong việc thu hồi nợ. Do đó, buộc bà T phải trả một lần, ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật, thực hiện tại Cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thoả thuận nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật, nếu không có thoả thuận về mặt lãi suất thì quyết định theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, nên nguyên đơn không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm, hoàn trả lại cho nguyên đơn tiền tạm ứng án phí đã nộp; Bị đơn bà Lư Minh T phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Khoản 3 Điều 26; Điểm a Khoản 1 Điều 35; Điểm a Khoản 1 Điều 39; Điều 147, Điều 184, Điều 227, Điều 228, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 91, Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010;

Căn cứ vào Điều 357, Điều 463, Điều 465, Điều 466, Điều 468, Điều 470 Bộ luật Dân sự 2015.

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn:

Buộc bà Lư Minh T có trách nhiệm trả cho Ngân hàng S số tiền là 61.861.683đồng (sáu mươi mốt triệu tám trăm sáu mươi mốt nghìn sáu trăm tám mươi ba đồng) - trong đó nợ gốc: 12.265.143đồng; lãi quá hạn: 49.596.540đồng. Trả một lần ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thoả thuận nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật, nếu không có thoả thuận về mặt lãi suất thì quyết định theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Ngân hàng S và bà Lư Minh T thực hiện việc giao và nhận tiền tại Chi cục Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

2. Án phí dân sự sơ thẩm:

2.1. Bà Lư Minh T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 3.093.084đồng (ba triệu không trăm chín mươi ba nghìn không trăm tám mươi bốn nghìn).

2.2. Ngân hàng S không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn lại cho Ngân hàng S số tiền tạm ứng án phí 1.418.936 (một triệu bốn trăm mười tám nghìn chín trăm ba mươi sáu đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2019/0038582 ngày 25/3/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 6.

3. Về quyền kháng cáo, kháng nghị: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với đượng sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án. Viện kiểm sát được quyền kháng nghị theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
-Tòa án nhân dân TPHCM;
-Viện kiểm sát nhân dân Quận 6;
-Chi cục Thi hành án dân sự Quận 6;
-Các đương sự (để thi hành);
-Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA